



TÁC PHẨM VĂN HỌC NÔM CỦA HỒ XUÂN HƯƠNG Ở MỸ

GS John Balaban *

Hôm nay hẳn là một ngày đẹp trời. Tôi đến đây với các bạn với tư cách là một giáo sư tiếng Anh và cũng là một nhà thơ người Mỹ từng có mặt tại cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Cũng chính hoàn cảnh này đã khiến cho tôi trở thành một dịch giả thơ Việt Nam. Trong suốt những năm tháng chiến tranh, năm 1971 – 1972, tôi đã có dịp du ngoạn đến miền quê miền Nam của Việt Nam, với chiếc máy ghi âm trên tay, tôi đã sưu tầm và ghi lại được những bài thơ truyền miệng mà người ta vẫn gọi đó là “ca dao”, sau này những bài thơ này đã được dịch trong *Ca dao Việt Nam: Thơ ca dân gian Việt Nam*.

Năm 2000, tôi đã hợp tác cùng với một nhà xuất bản thơ tên tuổi ở Mỹ là Copper Canyon Press xuất bản cuốn *Thơ Hồ Xuân Hương*. Hẳn là với các bạn, ai cũng biết tên tuổi Hồ Xuân Hương nhà thơ Việt Nam cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX. Bài viết của tôi tập trung vào số mệnh đáng nhớ của cuốn sách đó và sự cảm thụ này có lẽ cũng nói lên phần nào truyền thống lâu đời của văn học Việt Nam được viết bằng một kiểu ký tự cổ gọi là chữ Nôm, loại chữ đã có mặt trong thư viện thế giới ngày nay.

Thật sự, chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi thơ ca của Mỹ không hề bán chạy. Một nhà thơ nổi tiếng đương thời với một cuốn sách bán được từ 1.000 - 4.000 bản cho hơn 300 triệu người dân Mỹ đã là một điều đáng ngạc nhiên. Những bài thơ được dịch thì cũng không mấy tốt hơn. Thế nên nhà xuất bản của tôi đã tỏ ra hoài nghi khi tôi đề xuất là sẽ xuất bản một cuốn sách dịch những bài thơ của một người phụ nữ đã mất cách đây 200 năm, người phụ nữ mà không hề được biết đến ở Mỹ. Hơn nữa, cuốn sách mà tôi đề xuất lại phức tạp và phí xuất bản lại cao. Nó đã được in thành 3 loại chữ: 1) Chữ Nôm do Hồ Xuân Hương viết. 2) Chữ quốc ngữ. 3) Bản dịch tiếng Anh. Chữ Nôm chưa bao giờ được in trước đó bằng bản in hay bản photo. Chúng tôi in loại chữ cổ này lần đầu tiên trong lịch sử.

* Đại học Quốc gia North Carolina.

Trước sự ngạc nhiên của mọi người, cuốn sách đã thành công ngay lập tức, bằng chứng là nó đã được giới truyền thông đại chúng của Mỹ và Đài BBC cũng như giới báo chí toàn nước Mỹ nói tới rất nhiều. Cuối năm 2000, tại một buổi chiêu đãi ở Hà Nội, Tổng thống Mỹ Bill Clinton đã nhắc đến cuốn sách này như một cầu nối văn hoá giữa quá khứ và hiện tại. Hiện nay, nó vẫn được in và bán được trên 20.000 bản.

Làm sao mà một cuốn sách với 50 bài thơ của một tác giả Việt Nam đã mất cách đây 200 năm, được in bằng một loại chữ mà rất ít người còn sống ở Việt Nam có thể hiểu rõ được nữa là độc giả người Mỹ, lại được đón nhận như vậy? Và làm sao mà thành công của cuốn sách này lại thu hút sự quan tâm của những nhà nghiên cứu trong Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba? Một phần câu trả lời này nằm ở những bài thơ nổi tiếng của nữ sỹ Hồ Xuân Hương, một phần nó lại nằm trong lịch sử 1.000 năm hình thành chữ Nôm mà bà là một trong những người cuối cùng viết thơ bằng chữ Nôm.

Di sản chữ Nôm là kho báu lớn của nền văn hoá Việt nam, không được biết nhiều trên thế giới và ngay ở Việt Nam ngày nay cũng rất ít người biết đến. Trong khoảng thời gian Việt Nam thoát khỏi ách thống trị của Trung Quốc vào năm 939 sau CN, các học giả Việt Nam đã sáng tạo ra chữ Nôm như một loại chữ cổ viết cho ngôn ngữ nói. Từ thế kỷ X đến thế kỷ XX, đã có rất nhiều tác phẩm văn học, kinh, sử, luật pháp, y học và tôn giáo, đường lối chính sách của chính phủ được viết bằng chữ Nôm. Trong suốt 14 năm nhà Tây Sơn trị vì (1788 – 1802), tất cả những tài liệu hành chính đã được viết bằng chữ Nôm. 1000 lịch sử văn hoá Việt Nam đã được ghi lại trong hệ thống chữ viết này. Di sản này ngày nay bị mất mát đi khá nhiều, phần lớn người Việt Nam không đọc được chữ Nôm, và cũng phần lớn văn bản Hán Nôm hiện đang trong nguy cơ mất mát.

Mặc dù cho đến ngày nay, chữ Nôm rất ít được sử dụng và biết đến, và mặc dù Việt Nam đã bước vào thế kỷ thứ XXI, chữ Nôm vẫn giữ một vị trí quan trọng trong lòng người Việt Nam. Chữ Nôm đại diện cho quá khứ trong những phát ngôn của người Việt, chứ không phải là chữ Hán. Thơ Nôm được thể hiện trong cảm nhận của những học giả lớn như Nguyễn Trãi (1380 – 1442) và sau này là Nguyễn Du (1765 – 1820), những nhà văn hoá Việt Nam vĩ đại. Dưới ngòi bút của Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, chúng ta cảm nhận được số phận của con người bằng một chất thơ sắc sảo, lạ kỳ.

Hồ Xuân Hương, cái tên được dịch sang tiếng Anh là “Spring Essence”, sinh vào cuối thời Hậu Lê, một thời kỳ rối ren và khủng hoảng. Danh tiếng của nữ sỹ với tư cách một nhà thơ và cũng là một nhà văn hoá vẫn còn nguyên vẹn. Các bài thơ của Hồ Xuân Hương được viết bằng chữ Hán, nhưng bà vẫn ưa thích chữ

Nôm hơn. Với thể thơ Đường luật, nữ sỹ đã làm không biết bao nhiêu những bài thơ hay nói về cảnh đẹp, tình yêu bất tận hay những vật tưởng chừng như rất thông thường như cái quạt, bánh trôi nước hay các loại hoa quả, con ốc sên... Hầu hết những bài thơ của Hồ Xuân Hương đều ẩn chứa hai lớp nghĩa: nghĩa đen và nghĩa bóng. Trong đạo Khổng, những đề tài cấm kỵ như thiếu nữ khoả thân hay bất cứ cái gì liên quan đến tình dục đều không được chấp nhận. Vì thế những đề tài này đã không được ưa thích trong một thời gian, thậm chí nếu không tuân thủ, sẽ bị trừng phạt bởi guơm đao. Vậy mà Hồ Xuân Hương vẫn viết những bài thơ nói lên sự mục ruỗng của chế độ xã hội phong kiến ngay cả ở những tôn nghiêm như chùa chiền. Chưa hẳn vậy, do giọng điệu đậm chất thơ, trong sáng, thơ Hồ Xuân Hương đã nhẹ nhàng đi vào lòng người. Những bài thơ của bà đã được chép lại bằng tay 100 năm, trước khi lần cuối cùng họ tìm thấy bản khắc gỗ vào năm 1909. Đây là một số ví dụ:

峇匹隊

沒峇沒峇吏沒峇
 啍埃窖鑿景招撩
 鰲輪齧烈筵簞蓐
 坳砑撐莢頓噴蔡
 揀趺梗樁干疊速
 潭滌蘿柳淡霜招
 賢人君子埃齋庄
 瘳躑瘳躑吻□踰

Đèo Ba Dội

Một đèo, một đèo, lại một đèo,
 Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo.
 Cửa son đỏ loét tùm hum nóc,
 Hòn đá xanh rì lún phún rêu.
 Lắt lẻo cành thông con gió thốc,
 Đầm đĩa lá liễu giọt sương gieo.
 Hiền nhân, quân tử ai mà chẳng...
 Mỏi gối, chồn chân vẫn muốn trèo.

Three-Mountain Pass

A cliff face. Another. And still a third.
 Who was so skilled to carve this craggy scene:
 the cavern's red door, the ridge's narrow cleft,
 the black knoll bearded with little mosses?
 A twisting pine bough plunges in the wind,
 showering a willow's leaves with glistening drops.
 Gentlemen, lords, who could refuse, though weary
 and shaky in his knees, to mount once more?

Một trong những nét cá tính trong thơ của Hồ Xuân Hương là khả năng của bà trong việc ám chỉ những thứ rất ngộ nghĩnh bằng việc nhân cách hoá. Tiếng Việt, như mọi người đã biết, có thể truyền tải nội dung mang tính đa nghĩa. Vì thế, trên thực tế, chúng ta được mời đến để tham quan một ngọn núi, nhưng người Việt lại nhân cách hoá nó thành một cái gì khác nữa. Hình ảnh cây tùng thường khiến người ta liên tưởng tới người nam, còn cây liễu lại khiến người ta liên tưởng tới người nữ. Tiếng Anh, khi thiếu âm điệu dù sao vẫn có thể hiểu được căn cứ vào một số từ đơn âm bắt nguồn từ Anglo-Saxon, mà dịch giả có thể dịch là “khe” hai “núi”, cả hai vẫn chấp nhận được với hai lớp nghĩa. Và tiếng Việt, cũng có rất nhiều từ kính cần để nói về cánh mày râu như: *hiền nhân, quân tử*.

Hồ Xuân Hương dường như đã vận dụng những điều này vào thể thơ Đường luật, một thể thơ đã được sử dụng trong thơ văn thế kỷ VIII ở Trung Quốc. Trong nhiều bài thơ của mình, bà đã biến tấu thể thơ này khác với truyền thống. Thể thơ này đã bị phá vỡ bởi một người phụ nữ đã chứng kiến cuộc nội chiến hàng thế kỷ và sự sụp đổ của xã hội phong kiến. Những tác phẩm của bà luôn đặt quyền bình đẳng nam nữ lên hàng đầu, luôn bên vực những người phụ nữ nghèo, những người luôn đặt bốn phận của mình lên trên hết mà không có tiếng nói đấu tranh cho riêng mình.

Tương truyền, bà thường soạn những bài thơ phức tạp như thế ngay tại chỗ, đưa thơ ra từ trong đầu. Đó là cách chơi chữ ở mức độ cao nhất. Hơn nữa, như một cái nhìn sáng suốt về miền thanh tịnh Phật giáo, bà có thể tiếp tục chơi giọng điệu tài nghệ ở các mức nghiêm trang hơn.

樓看春

□□□□□□□

□□庄泮畝□□

𪛗 𪛗 𪛗 𪛗 𪛗 𪛗
𪛗 𪛗 𪛗 𪛗 𪛗 𪛗
𪛗 𪛗 𪛗 𪛗 𪛗 𪛗
𪛗 𪛗 𪛗 𪛗 𪛗 𪛗
𪛗 𪛗 𪛗 𪛗 𪛗 𪛗
𪛗 𪛗 𪛗 𪛗 𪛗 𪛗

Đài khán xuân

Êm ái, chiều xuân tới khán đài,
Lâng lâng chẳng bận chút trần ai.
Ba hồi chiều mộ chuông gầm sóng,
Một vũng tang thương nước lộn trời.
Bể ái ngàn trùng khôn tát cạn,
Nguồn ân muôn trượng dễ khơi vơi.
Nào nào cực lạc là đâu tá?
Cực lạc là đây, chín rõ mười.

Spring-Watching Pavilion

A gentle spring evening arrives,
Airily, unclouded by worldly dust.
Three times the bell tolls echoes like a wave,
We see heaven upside down in sad puddles.
Love's vast sea cannot be emptied,
And springs of grace flow easily everywhere.
Where is nirvana?
Nirvana is here, nine times out of ten.

Khi Hồ Xuân Hương làm thơ, bà còn đưa tên mình vào trong thơ thật tự nhiên: Xuân có nghĩa là “spring”. Trong bài thơ của mình, Hồ Xuân Hương cũng rất chú trọng đến chữ “Ái”. “Êm ái”, hai âm tiết đầu của bài thơ có nghĩa là “yêu”, hay “lòng thương”, thậm chí là “dịu dàng”, được nói đến trong các đề tài Phật

giáo. *Ái* là một thuật ngữ truyền thống của người Mahayana. Khi những tiếng chuông chùa rung lên, “tiếng chuông gọi cho chúng ta nhớ đến một nơi thanh tịnh”, như chúng ta đã thấy miêu tả trong những bài thơ cổ của đại thi hào Nguyễn Du trong cuốn *Truyện Kiều*. Âm thanh của tiếng chuông chùa gọi lại một thứ gì đó rất thiêng liêng, khi đó chúng ta cảm thấy thanh bình. Thực sự, khi chúng ta nhìn xuống chân mình, chỉ thấy bầu trời và những đám mây xung quanh. Trời đất như hoà làm một. Cõi Niết bàn và cõi trần đều như nhau. Bài thơ ẩn chứa trong đó những từ khó, một trong những khái niệm quan trọng của Phật giáo. *Ái* và *ân* trong dòng 5 và 6 có thể gộp lại thành một từ *ái ân*, *ngàn* và *muôn* cũng có thể hiểu là rộng lớn. Phép so sánh được áp dụng trong tất cả các dòng thơ trong bài.

Đắm chìm trong những bài thơ tuyệt vời khi tôi dịch cuốn Hồ Xuân Hương đã khiến tôi băn khoăn: Còn gì ẩn sâu trong những tác phẩm chữ Nôm chưa được biết đến? Năm 1999, tôi bắt đầu làm việc ở Hội Bảo tồn chữ Nôm với hai đồng sự là chuyên gia công nghệ thông tin và nhà ngôn ngữ học James Đỗ Bá Phước và Ngô Thanh Nhân. Chúng tôi cùng với nhà toán học Ngô Trung Việt đã có một khoảng thời gian dài nghiên cứu về di sản chữ Nôm. Sau này, nhóm chúng tôi có thêm hai chuyên gia công nghệ thông tin khác đến từ châu Âu và Mỹ. Tại Mỹ, chúng tôi đã sát nhập và lập ra một tổ chức phi chính phủ. Chúng tôi cũng đã thành lập một văn phòng đại diện ở Hà Nội có tên: *Nôm Na* với sự góp mặt của 4 bạn trẻ người Việt. Họ rất yêu thích chữ Nôm và những vấn đề công nghệ. Chỉ trong vòng có 10 năm, chúng tôi đã hoàn thành những bước đầu tiên trong việc xuất bản và số hoá các tác phẩm chữ Nôm:

- Từ điển chữ Nôm trực tuyến.
- Mã hoá được khoảng 20.000 chữ, đồng nhất sang tiếng Việt.
- Tiếp tục hỗ trợ việc đưa chữ Nôm vào nhóm công tác quốc tế IRG.
- Xuất bản cuốn từ điển chữ Nôm hiện đại đầu tiên *Giúp đọc Nôm và Hán - Việt*.
- Hỗ trợ cho việc xuất bản cuốn từ điển chữ Nôm cổ đầu tiên, the Taberd *Dictionarium Anamitico-Latinum* of 1838.
- Tổ chức hai hội nghị quốc tế (Hà Nội, 2004; Huế, 2006) và xuất bản hai ấn phẩm.
- *Kho chữ Hán Nôm mã hoá*, tài liệu kỹ thuật, xuất bản cùng Viện Nghiên cứu Hán Nôm (Han-Nom Institute), về Bộ ký tự Nôm mã hoá.
- Trên website <http://nomfoundation.org> chúng tôi đã đăng năm phiên bản chữ Nôm có thể tra cứu được của *Truyện Kiều*, cũng như phiên bản 1697 của *Đại Việt sử ký toàn thư*.

- Trao học bổng chữ Nôm cho các học giả Mỹ và cho sinh viên Việt Nam.

Trong hai năm qua, hợp tác với Thư viện Quốc gia, chúng tôi đã xây dựng một thư viện số hoá kho thư tịch cổ Hán Nôm với 4.000 cuốn sách. Đây sẽ là một thư viện số hoá đầu tiên ở Việt Nam và tất cả các cuốn sách sẽ được đăng lên trang <http://nomfoundation.org/nlvnpf/index.php>. Công việc hiện tại của chúng tôi ở Thư viện Quốc gia sẽ có ý nghĩa rất lớn vì các cuốn sách cổ được viết bằng chữ Hán, chữ Nôm có thể được đánh giá bởi độc giả trên khắp thế giới với một chiếc máy tính nối mạng. Dự án số hoá kho thư tịch cổ Hán Nôm sẽ là một cánh cửa nối giữa hiện tại và quá khứ. Hiện nay, dưới sự hướng dẫn của Dr. John F., Trường Đại học Cornell và với sự tài trợ của Thư viện Trường Đại học Carolina, chúng tôi đang chuẩn bị tiến hành công việc bảo quản kho thư tịch cổ tại Thư viện Quốc gia.

Một số lượng lớn các cuốn sách được viết bằng chữ Nôm không chỉ có thơ mà còn có sách sử, tôn giáo, y học..., tất cả đang chờ đợi sự hỗ trợ và đóng góp của độc giả trên khắp thế giới. Tại Việt Nam, các bản chữ Nôm bao gồm cả những cuốn sách công và tư. Ở ngoài Việt Nam, các tác phẩm chữ Nôm bị phân tán, chưa được đọc tới, chưa được phân loại, thậm chí bị mất nhận dạng trong thời thuộc địa cũ. Việt Nam không thể để mất dần di sản văn hoá. Đặc biệt là khi nền văn hoá phương Tây có vẻ như đang du nhập nhanh chóng vào Việt Nam. Quá khứ, thậm chí là quá khứ phong kiến, dù sao cũng để lại những lời khuyên có ý nghĩa cho tương lai.